Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thú y ; Chuyên ngành: Thú y

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Thị Tố Nga

2. Ngày tháng năm sinh: 24/04/1981 ; Nam ☐ Nữ ☑ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 2 Ngõ 79 Lương Khánh Thiện Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Bệnh lý, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam – Thị Trấn Trâu Qùy – Gia Lâm – TP Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0912425875 ;

E-mail: bttnga@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 07/2004 – 09/2007: Cán bộ, Phòng Thú y thủy sản – Cục Quản lý chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản – Bộ Thủy sản

Từ 10/2007 – 03/2010: Giảng viên / Nghiên cứu viên - Bộ môn Bệnh lý thú y, Khoa Thú Y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Từ 04/2010 -03/2015: Nghiên cứu sinh - Trường ĐH Yamaguchi, Nhật Bản

Từ 04/2015 đến nay: Giảng viên / Nghiên cứu viên - Bộ môn Bệnh lý thú y, Khoa Thú Y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn Bệnh lý Thú y, khoa Thú y, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Bệnh lý Thú y, khoa Thú y, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam;

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Thú Y – Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Ngõ 64, Ngô Xuân Quảng – Thị Trấn Trâu Qùy – Gia Lâm – Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ……..……..……

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..……..

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: B539032; ngành: Thú y, chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 3 năm 2015; số văn bằng: 347; ngành: Thú y; chuyên ngành: Thú y học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Yamaguchi, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……..; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): ……

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thú y – Chăn nuôi – Thủy Sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bệnh lý thú y

- Dịch tễ thú y

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0 (Không)** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **08** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: **02 cấp cơ sở**;

- Đã công bố (số lượng) **54** bài báo khoa học, trong đó **23** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) **0 (Không)** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **01**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020, 2020 – 2021 và 2021- 2022. Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Ứng viên luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy trong 06 năm gần đây từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2023-2024.

- Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Ứng viên luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành.

- Năng lực giảng dạy: Có năng lực giảng dạy tốt, thường xuyên cải tiến bài giảng, đưa được nhiều kết quả nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm thực tiễn vào bài giảng.

- Đóng góp khác trong công tác đào tạo:

+ Là uỷ viên thư ký tham gia Tiểu ban chuyên môn đánh giá, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi.

+ Cố vấn Quốc gia phụ trách xây dựng Chương trình đào tạo thú y trực tuyến (E-learning) thuộc Dự án Phát triển năng lực mạng lưới thú y Quốc gia của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO), năm 2018.

+Hướng dẫn nhiều nhóm Sinh viên nghiên cứu khoa học và được các thành tích : 01 đề tài đạt Giải Nhì Giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2018" cấp Học viện; 01 đề tài đạt Giải Ba "Ý tưởng sáng tạo dành cho sinh viên" năm 2022.

- Năng lực nghiên cứu: Có năng lực nghiên cứu tốt, là Chủ nhiệm đề tài 02 nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu đạt loại Tốt và Khá. Chủ nhiệm 01 đề tài NAFOSTED đang chờ nghiệm thu và tham gia nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.

- Kết quả công bố và xuất bản:

+ Có năng lực trong việc xuất bản các kết quả nghiên cứu. Đã xuất bản 1 giáo trình và 54 bài báo khoa học trong nước và quốc tế.

+ Thành viên Ban Biên tập của tạp chí Frontier in Veterinary Science (IF 3,412; Q1) từ năm 2022 với vai trò Biên tập viên liên kết (Assocciate Editor).

- Tổ chức nghiên cứu: Có khả năng tổ chức nhóm nghiên cứu, tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tinh hoa của Học viện Nông nghiệp Việt Nam từ năm 2018 đến nay.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Là thành viên tích cực tổ chức các hội thảo khoa học như: Thành viên chủ chốt tổ chức hội thảo Bệnh lý thú y châu Á lần thứ 9 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 07-09/10/2019; Thành viên Ban tổ chức Hội nghị khoa học Chăn nuôi-Thú y toàn quốc lần thứ V tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam vào ngày 05-07/10/2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	/	/	2	22	528	5	533/1147,3/229,5
2	2019-2020	/	/	3	16	320	45	365/920,7/229,5
3	2020-2021	/	/		19	231	45	291/851,9/229,5
03 năm học cuối								
4	2021-2022	/	/	2	13	128	5	133/561,7/229,5
5	2022-2023	/	/	1	18	265	30	295/770,3/216
6	2023-2024	/	/	1	17	122	5	127/549,6/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: ……..; Từ năm …… đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc ☐ TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:……...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……..……

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: ……...……

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): ……

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lưu Thị Thủy		x	x		2017-2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3588/QĐ-HVN ngày 06 tháng 09 năm 2017 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 2527/QĐ-HVN ngày 24 tháng 08 năm 2018
2	Nguyễn Hồng Kỳ		x	x		2017-2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3588/QĐ-HVN ngày 06

								tháng 09 năm 2017 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 4546/QĐ-HVN ngày 17 tháng 12 năm 2018
3	Trần Thị Vân Anh		x		x	2018-2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 2782/QĐ-HVN ngày 06 tháng 09 năm 2018 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 2919/QĐ-HVN ngày 13 tháng 08 năm 2019
4	Xengphavone Khonmany		x	x		2018-2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 2782/QĐ-HVN ngày 06 tháng 09 năm 2018 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 5010/QĐ-HVN ngày 30 tháng 12 năm 2019
5	Phạm Bá Đức		x	x		2019-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3782/QĐ-

								HVN ngày 14 tháng 10 năm 2019 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 3155/QĐ-HVN ngày 03 tháng 09 năm 2020
6	Trần Anh Tuyên		x	x		2020-2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 4334/QĐ-HVN ngày 19 tháng 11 năm 2020 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 5118/QĐ-HVN ngày 25 tháng 10 năm 2021
7	Phan Văn Thìn		x	x		2021-2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 4251/QĐ-HVN ngày 12 tháng 11 năm 2020 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 1637/QĐ-HVN ngày 30 tháng 03 năm 2022
8	Nguyễn Thị Vân		x	x		2022-2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số

								3285/QĐ-HVN ngày 17 tháng 06 năm 2022 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 980/QĐ-HVN ngày 07 tháng 03 năm 2024
9	Trịnh Thị Hằng		x	x		07/2023 đến nay	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	- Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3782/QĐ-HVN ngày 07 tháng 07 năm 2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	**Tên sách**	**Loại sách (CK, GT, TK, HD)**	**Nhà xuất bản và năm xuất bản**	**Số tác giả**	**Chủ biên**	**Phần biên soạn (từ trang … đến trang)**	**Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)**
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Bệnh lý học thú y 1	GT	NXB học viện Nông nghiệp, năm 2022	6	Đồng chủ biên	Trang 38 - trang 66	Số 1199/HVN-NXB

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],…… ……

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Đề tài: "Ứng dụng phương pháp RT-PCR để chẩn đoán bệnh tiêu chảy do Coronavirus trên chó"	CN	T2016-03-16 Cấp trường	01/2016-12/2016	2018 Xếp loại: **Tốt**
2	Đề tài: "Nghiên cứu khảo sát sự phân bố của virus Dịch tả lợn trong cơ thể lợn mắc bệnh Dịch tả bằng kỹ thuật hóa mô miễn dịch"	CN	T2020-03-15 Cấp học viện	01/2020-12/2020	2021 Xếp loại: **Khá.**
3	Đề tài: "Nghiên cứu sự biến đổi của gen VP2 ảnh hưởng đến quá trình truyền lây, cơ chế sinh bệnh và độc lực của virus Canine Pravo type 2 trên chó nuôi tại Việt Nam"	CN	106.05-2018.337 Nafosted-quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia	01/04/2019-01/04/2022	Đang chờ nghiệm thu
4	Đề tài: "Nghiên cứu lâm sàng, bệnh tích và dịch tễ học mô tả bệnh Dịch tả lợn châu Phi tại Việt Nam"	TK	ĐTĐL.CN-76/19 Cấp Nhà nước	12/2019-5/2021	2021 Xếp loại: **Đạt**

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận PGS/TS**							
1	Một số đặc điểm huyết học ở lợn mắc bệnh dịch tả	3		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 16, số 4, trang 12-15	2009
2	Một số đặc điểm bệnh lý của lợn nái mắc Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản.	5		Tạp chí khoa học và phát triển/ ISSN: 1859-0004			Tập 8, số 1, trang 68-75.	2010
3	Một số đặc điểm bệnh lý ở gà mắc bệnh cầu trùng	3		Tạp chí khoa học và phát triển/ ISSN: 1859-0004			Tập 17, số 4, trang 56-60	2010
4	Một số đặc điểm huyết học ở chó mắc bệnh Parvovirus	5		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 17, số 4, trang 13-17	2010
5	Studies of inhibitory mechanisms of propeptide-like	4	v	Enzyme research/ ISSN: 2090-0406	ISI (IF: 1,6 Q2)	7	Tập 2014	2014

	cysteine protease inhibitors.							
6	Identification and characterization of the interactive proteins with Cytotoxic T-lymphocyte antigen-2α.	5	v	Bioscience, Biotechnology and Biochemistry/ ISSN: 0916-8451	ISI (IF: 2,045; Q3)	4	Tập 79, số 4, trang 587-595	2015
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**							
7	Localization profile of Cathepsin L in the brain of Afican giant rat (Cricestomys gambianus).	5		Anatomy Journal of Africa/ ISSN: 2226-6054		1	Tập 5, số 1, trang 618 - 630	2016
8	Cathepsin L coexists with Cytotoxic T-lymphocyte Antigen-2 alpha in distinct regions of the mouse brain.	4		Acta Histochemica/ ISSN: 0065-1281	ISI (IF:2,47; Q2)	6	Tập 118, số 7, trang 704-710	2016
9	Biological and viral genes characters of isolated viruses in Viet Nam after 20	6		Federation of Asian Veterinary Associations Congress/ ISBN: 978-604-73-4527-4			trang 214-218	2016

	passages through vero - DST							
10	Genetic characterization of E2 gene of classical swine fever virus circulating in Nam Dinh and Hai Duong province.	5		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 15, số 3, trang 230-237	2017
11	Nghiên cứu đặc điểm bệnh lý một số loại u tuyến vú thường gặp trên chó tại Hà Nội.	7		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 24, số 8, trang 68-76	2017
12	Đặc điểm bệnh lý của chó mắc khối u tế bào Leydig dịch hoàn (interstitial cell tumor) ở khu vực Hà Nội.	6		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 16, số 4, trang 323-331	2018
13	Bệnh Dịch tả châu Phi (African swine fever) tình hình nghiên cứu sản xuất vacxin và kinh nghiệm ứng phó của các nước.	6		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 16 số 12 trang 1131 - 1142	2018

14	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học bệnh dịch tả lợn tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam từ năm 2014 đến năm 2017.	4		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 25, số 3, trang 32-36	2018
15	Nghiên cứu một số đặc điểm bệnh lí bệnh biên trùng trên bò do Anaplamsa marginal gây ra.	8		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh kí sinh trùng/ ISSN: 2165-6161			Tập 2, số 104, trang 87-92	2018
16	Nghiên cứu một số đặc điểm triệu chứng, bệnh tích bệnh cầu trùng trên gà tại Hải Dương.	5		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 15, Số 7	2018
17	Bệnh Dịch tả châu Phi (African swine fever) – Tình hình dịch tễ, đặc điểm bệnh lý và chẩn đoán phân biệt.	7		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 25 số 7 trang 87 – 97	2018
18	Molecular epidemiology of canine parvovirus type 2 in Vietnam from	6		Virology Journal/ ISSN: 1743-422X	ISI (IF: 5,545; Q2)	49	Tập 16, số 1 trang 52-62	2019

	November 2016 to February 2018.							
19	Ứng dụng kỹ thuật PT PCR trong chẩn đoán bệnh do Coronavirus trên chó nuôi.	3	v	Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 26, số 4, trang 38-43	2019
20	Genetic characterization of bovine coronavirus in Vietnam.	10		Virus Genes/ ISSN: 0920-8569	ISI (IF: 2,332; Q3)	22	Tập 55, số 3, trang 415-420	2019
21	Outbreak of African Swine Fever, Vietnam, 2019.	16		Emerging Infectious Diseases/ ISSN: 1080-6040	ISI (IF: 9,883; Q1)	152	Tập 25, số 7, trang 1433–1435	2019
22	Đặc điểm bệnh lý khối u tuyến bã nhờn trên da của chó.	8		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 26 số 8 trang 71 – 79.	2019
23	Distribution of infectious endogenous retroviruses in mixed-breed and purebred cats.	14		Archives of Virology/ ISSN: 0304-8608	ISI (IF: 2,677; Q2)	3	Tập 165, số 1, trang 157-167	2020
24	Đặc điểm bệnh lý của lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu	6	v	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/			Tập 18, số 7, trang 485-494	2020

	Phi (African swine fever) tại các ổ dịch đầu tiên ở Việt Nam			ISSN: 1859-0004				
25	Clinical and Pathological Study of the First Outbreak Cases of African Swine Fever in Vietnam, 2019.	8	v	Frontiers in Veterinary Science/ ISSN: 2297-1769	ISI (IF: 3,412; Q1)	31	Tập 7, trang 392-398	2020
26	Silver nanoparticles as potential antiviral agents against African swine fever virus	8		Materials Research Express/ ISSN: 2053-1591	ISI (IF: 1,992; Q2)	110	Tập 6, số 12	2020
27	Genetic characterization of the spike gene of porcine epidemic diarrhea viruses (PEDVs) circulating in Vietnam from 2015 to 2016.	11		Veterinary Medicine and Science/ ISSN: 2053-1095	ISI (IF: 2,113; Q2)	20	Tập 6, số 3, trang 535-542	2020
28	Rapid and highly sensitive portable detection of African swine fever virus.	8		Transboundary and Emerging Diseases/ ISSN: 1865-1674	ISI (IF: 5,005; Q1)	17	Tập 68, số 2, trang 952-959	2020

29	O/SEA/Mya-98 lineage foot-and-mouth disease virus was responsible for an extensive epidemic that occurred in late 2018 in Vietnam	8		Archives of Virology/ ISSN: 0304-8608	ISI (IF: 2,677; Q2)	7	Tập 165, số 11, trang 2487-2493	2020
30	Đặc điểm dịch tễ học phân tử của virus dịch tả lợn Châu Phi lưu hành tại Việt Nam năm 2020.	11		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 28, số 6, trang 26-35.	2021
31	Xác định tiềm năng ức chế virus dịch tả lợn Châu Phi của một số hoạt chất thảo dược	13		Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 28, số 7, trang 25-34	2021
32	Molecular profile of African swine fever virus (ASFV) circulating in Vietnam during 2019-2020 outbreaks	16		Archives of Virology/ ISSN: 0304-8608	ISI (IF: 2,677; Q2)	35	Tập 166, số 3, trang 885-890	2021

33	SARS-COV-2 trên động vật [SARS-CoV-2 in Animals].	10		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 19, số 4, trang 544-556	2021
34	Một số chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu ở chó mắc bệnh viêm ruột tiêu chảy do Parvovirus.	4		Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 18 số 4, trang 27-32	2021
35	Ứng dụng nhuộm nhanh trong chẩn đoán khối u da trên chó.	6		Hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc 2021/ ISBN: 978-604-337-133-8			trang 749-754	2021
36	Đặc điểm bệnh lý khối u tuyến quanh hậu môn lành tính trên chó.	8		Hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc / ISBN: 978-604-337-133-8			trang 762-768	2021
37	Facing the challenges of endemic African Swine Fever in Vietnam.	4		CAB Reviews Perspectives in Agriculture Veterinary Science Nutrition and Natural Resources/ ISSN: 1040-8398	ISI (IF: 1,571; Q2)	2	Tập 17, số 037, trang 1-9	2022

38	Blood parameters and pathological lesions in pigs experimentally infected with Vietnam's first isolated African swine fever virus.	11		Frontiers in Veterinary Science/ ISSN: 2297-1769	ISI (IF: 3,412; Q1)	5	Tập 9	2022
39	Implications of partial culling on African swine fever control eectiveness in Vietnam.	7	v	Frontiers in Veterinary Science/ ISSN: 2297-1769	ISI (IF: 3,412; Q1)	12	Tập 9	2022
40	Pathological characterization of Derzsy's disease in ducks caused by Parvovirus in some Northern provinces of Vietnam.	7		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập20, số 2, trang 166-174	2022
41	Molecular characterisation of the current high prevalence of the new CPV-2c variants in the Southern Vietnamese dogs signifies a	5	v	Veterinary Medicine and Science/ ISSN: 2053-1095	ISI (IF: 2,113; Q2)		Tập 9, số 4, trang 1553-1563	2023

	widespread in the worldwide dog population.							
42	Case of reproductive failure firstly occurred by PCV3 and M. suis infection at a breeding swine farm.	7		Thai Journal of Veterinary Medicine/ ISSN: 0125-6491	ISI (IF: 0,409; Q4)		53(Suppl.2): 11-12	2023
43	Đặc điểm bệnh lý chủ yếu và sự phân bố của virus gây bệnh trong một số mô đích của lợn mắc dịch tả lợn cổ điển (CSF).	8	v	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 21, số 9, trang 1140-1149	2023
44	Một số chỉ tiêu huyết học ở bò sữa holstein Friesian nhiễm Theileria spp. Tại tỉnh Hà Nam.	8		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			Tập 21, số 11, trang 1455-1462	2023
45	Effects of Compound Trace Minerals on the Growth Performance, Carcass Characteristics	5		Animal Biotechnol/ ISSN: 1049-5398	ISI (IF: 2,282; Q2)	2	Tập 34, số 5, trang 1822-1827	2023

	and Meat Quality of Fattening Pigs.							
46	Một số đặc điểm bệnh lý khối u tai trên mèo.	9		Hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc 2023/ ISBN: 978-604-337-133-8			trang 572-582	2023
47	Phương pháp lấy mẫu trong xét nghiệm tế bào học.	6		Hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc 2023/ ISBN: 978-604-337-133-8			trang 737-749	2023
48	Ứng dụng hóa mô miễn dịch trong chẩn đoán bệnh trên thú cảnh.	12		Hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc 2023/ ISBN: 978-604-337-133-8			trang 622-629	2023
49	Molecular characterization of lumpy skin disease virus in North Central Vietnam during 2021 and early 2022.	11		Veterinaria Italiana/ ISSN: 0505-401X	ISI (IF: 1,477; Q3)		Tập 60, số 1	2024
50	Case report of reproductive failure and dermatitis occurred by	5		Veterinary Integrative Sciences/ ISSN: 2629-9968	ISI (IF: 0,711; Q3)		Tập 22, số 3, trang 993 - 1004	2024

	PCV3 and Mycoplasma suis in sows at a breeding farm.							
51	Đặc điểm lâm sàng và bệnh lý của chó mắc biến thể CPV – 2c mới tại Việt Nam	2	v	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 31, số 4, trang 14-23	2024
52	Phát hiện và xác định type virus parvo lưu hành trên chó nuôi tại Việt Nam	2	v	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			Tập 31, số 4, trang 24-30	2024
53	Ảnh hưởng của Forceris đến sinh trưởng, tiêu chảy và tỉ lệ mắc cầu trùng của lợn con	2	v	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ ISSN: 1859-476X			Số 299, trang 61-66	2024
54	Ảnh hưởng của Salbutamol trong khẩu phần ăn đến khối lượng cơ thể, biểu hiện lâm sàng, biến đổi đại thể và vi thể trên chuột thí nghiệm	2	v	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ ISSN: 1859-476X			Số 299, trang 66-71	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ƯV là tác giả chính sau TS: **03 bài, thứ tự số (25); (39); (41).**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ƯV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
…					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ƯV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 0

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 07 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Tố Nga